SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CHI CỤC KIỂM LÂM

Số:95 /QĐ-CCKL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 03 *tháng* 8 *năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC KIỂM LÂM

Căn cứ Quyết định số 113/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm lâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt kế hoạch chuyển đổi và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001;2015 vào hoạt động của các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các cơ quan hành chính nhà nước thuộc Sở, ngành thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2872/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2881/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm, khí tượng, thủy văn thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Quyết định số 3480/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực kiểm lâm, bị bãi bỏ lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 07/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung; thay thế và bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp, kiểm lâm, bảo

tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thuỷ sản và kiểm ngư, biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung,bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo ISO.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Chi cục Kiểm lâm thành phố Hải Phòng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Chỉ đạo ISO và toàn thể công chức các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Chi cục Kiểm lâm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- CCT, các PCCT;
- Lưu: VT, BCĐ ISO.

CHI CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CHI CỤC KIỂM LÂM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG T.P HẢI PHÒNG

Phạm Hồng Hải

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CHI CỤC KIỂM LÂM ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 95 /QĐ-CCKL ngày 03 tháng 8 năm 2026 của Chi cục Kiểm lâm)

1. Cơ quan áp dụng: Chi cục Kiểm lâm.

2. Các phòng, đơn vị áp dụng: Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc.

3. Địa điểm áp dụng: Tại Chi cục Kiểm lâm (các phòng, Hạt, Đội thuộc Chi cục Kiểm lâm).

4. Phạm vi áp dụng:

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu
I	**MÔ HÌNH HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**	MHHT
II	**TÀI LIỆU THEO YÊU CẦU CỦA TIÊU CHUẨN**	
1	Chính sách chất lượng	CSCL
2	Mục tiêu chất lượng	MTCL
3	Quy trình kiểm soát tài liệu (Thông tin dạng văn bản)	QT-01
4	Quy trình kiểm soát hồ sơ (Thông tin dạng văn bản)	QT-02
5	Quy trình đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng và xem xét của lãnh đạo	QT-03
6	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp	QT-04
7	Quy trình thực hiện hành động khắc phục	QT-05
8	Quy trình nhận diện bối cảnh hoạt động, xác định rủi ro, cơ hội và thực hiện giải quyết	QT-05
III	**CÁC QUY TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG TRONG NỘI BỘ CƠ QUAN**	
9	Quy trình Quản lý văn bản đi, đến	QT-HC-01
10	Quy trình đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức	QT-HC-02
11	Quy trình thi đua khen thưởng	QT-HC-03
IV	**CÁC QUY TRÌNH KIỂM SOÁT CÁC LĨNH VỰC THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	

1	Nộp tiền trồng rừng thay thế	QT-01/CCKL
2	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	QT-02/CCKL
3	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	QT-03/CCKL
4	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	QT-04/CCKL
5	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	QT-05/CCKL
6	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	QT-06/CCKL
7	Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	QT-07/CCKL
8	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT-08/CCKL
9	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	QT-09/CCKL
10	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	QT-10/CCKL
11	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	QT-11/CCKL
12	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	QT-12/CCKL
13	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý	QT-13/CCKL
14	Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng	QT-14/CCKL

15	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT-15/CCKL
16	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT-16/CCKL
17	Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT-17/CCKL
18	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	QT-18/CCKL
19	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	QT-19/CCKL
20	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	QT-20/CCKL
21	Phê duyệt phương án sử dụng rừng để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	QT-21/CCKL
22	Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	QT-22/CCKL
23	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	QT-23/CCKL
24	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES	QT-24/CCKL
25	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	QT-25/CCKL
26	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	QT-26/CCKL
27	Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES	QT-27/CCKL
28	Xác nhận bảng kê lâm sản	QT-28/CCKL
29	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT-28/CCKL

30	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	QT-30/CCKL
31	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	QT-31/CCKL
32	Phê duyệt Phương án khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	QT-32/CCKL
33	Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	QT-33/CCKL
34	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	QT-34/CCKL
35	Đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	QT-35/CCKL
36	Thả động vật nuôi sinh sản tại cơ sở nuôi, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học về môi trường tự nhiên	QT-36/CCKL
37	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	QT-37/CCKL
38	Cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen	QT-38/CCKL
39	Đăng ký, điều chỉnh dự án các-bon rừng	QT-39/CCKL
40	Hủy đăng ký dự án các-bon rừng	QT-40/CCKL
41	Cấp tín chỉ các-bon rừng	QT-41/CCKL